

7. HUYỆN CẦN ĐƯỚC

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
			THỊ TRẤN	XÃ
PHẦN I: NHÓM ĐẤT Ở CÓ VỊ TRÍ TIẾP GIÁP ĐƯỜNG GIAO THÔNG				
A	QUỐC LỘ (QL)			
1	QL 50	Ranh Cần Giuộc - cầu Chợ Trạm		1.400.000
		Cầu Chợ Trạm kéo dài 100m về phía Cần Đước		1.200.000
		Cách cầu Chợ Trạm 100m – Cách ngã ba Tân Lân 100m		900.000
		Ngã ba Tân Lân kéo dài về các ngã 100m	1.600.000	1.600.000
		Cách Ngã Ba Tân Lân 100m - Cổng Cầu Chùa	2.100.000	
		Cổng Cầu Chùa - Hết ranh Khu dân cư 1A	5.500.000	
		Hết ranh Khu dân cư 1A- Đường vào trạm biến điện	2.000.000	
		Đường vào trạm biến điện - hết ranh Thị Trấn	1.500.000	
		Hết ranh Thị Trấn - Ngã ba Kinh trừ 150m		1.000.000
		Ngã ba Kinh 150m về 2 phía		1.200.000
		Ngã ba kinh cộng 150m - Bến phà mới		1.000.000
		Ngã ba bến phà - Bến phà cũ		900.000
		2	Tuyến tránh QL 50	QL50 kéo dài 150m (phía Tân Lân)
QL50 kéo dài 150m (phía Phước Đông)				1.000.000
Đoạn còn lại				800.000
B	ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)			
1	ĐT 830 (ĐT 16 và ĐT 19)	Ranh Bến Lức (Cầu Long Kim) - Cách ngã tư An Thuận 150m (trừ đoạn ngã ba Long Cang kéo dài về các phía 150m)		500.000
		Ngã tư An Thuận kéo dài 150m về 2 phía		550.000
		Cách ngã tư An Thuận từ mét thứ 151 - Cách ngã ba Long Sơn 100m		400.000
		Ngã ba Long Sơn kéo dài 100m về các ngã		600.000
		Cách ngã ba Long Sơn từ mét thứ 101 - Cách ngã tư Tân Trạch 100m		370.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
			THỊ TRẤN	XÃ
		Ngã tư Tân Trạch kéo dài 100m về 2 phía		550.000
		Cách ngã tư Tân Trạch từ mét 101 - Ranh Mỹ Lệ		370.000
		Ranh Mỹ Lệ - Cách ngã ba Chợ Đào 50m		470.000
		Ngã ba Chợ Đào phạm vi 50m		750.000
		Ngã ba Long Cang kéo dài về các phía 150m.		550.000
		Đường huyện 19 - Cách ngã tư giao lộ ĐT 826 50m		820.000
		Ngã tư giao lộ ĐT 826 kéo dài 50m về 2 phía		1.250.000
		Cách ngã tư giao lộ ĐT 826 50m - Ranh xã Long Hòa và xã Thuận Thành (Cần Giuộc)		500.000
		Ranh xã Long Hòa và xã Thuận Thành (Cần Giuộc) - cổng Ba Mau		420.000
		Cổng Ba Mau - cách ngã tư Chợ Trạm 50m		520.000
		Ngã tư Chợ Trạm kéo dài 50m về các phía		1.250.000
		Cách ngã Tư Chợ Trạm 50m - Ranh Cần Giuộc		800.000
	2	Ranh Bến Lức (cầu ông Tổng) – Ngã ba vào bến đò Long Cang (trừ đoạn trùng giữa ĐT 833B và ĐT 830)		500.000
		Ngã ba vào bến đò Long Cang (trừ đoạn trùng giữa ĐT 833B và ĐT 830) - kéo dài 150m về phía cổng Đồi Ma		550.000
3	ĐT 826 (lộ nhựa)	Cầu Tràm - Hết khu tái định cư Cầu Tràm		950.000
		Hết khu tái định cư Cầu Tràm - cách ngã tư Xoài Đồi 150m		700.000
		Ngã tư Xoài Đồi 150m về 2 phía		1.050.000
		Cách ngã tư Xoài Đồi 150m - Mũi Tàu Long Hòa (UBND xã Long Hòa)		900.000
		Mũi Tàu Long Hòa - Bưu Cục Rạch Kiến		1.350.000
		Bưu Cục Rạch Kiến - Ngã ba Chợ Đào		1.100.000
		Ngã ba Chợ Đào- Đình Vạn Phước		1.000.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
			THỊ TRẤN	XÃ
		Đình Vạn Phước - ranh Thị trấn cần Đức		650.000
		Ranh Thị trấn cần Đức - Cách ngã ba Tân Lâm 100m	800.000	650.000
		Ngã ba Kinh - Cầu sắt cũ		700.000
4	ĐT 826B	Cầu sắt cũ - Ngã ba UBND Long Hựu Đông		600.000
		Ngã ba UBND xã Long Hựu Đông - Đồn Rạch Cát		550.000
5	Tuyến tránh vào cầu kinh Nước Mặn	Tỉnh lộ 826B - Cầu kinh Nước Mặn		700.000
		Cầu Long Khê - Cách ngã tư Xoài Đồi giao lộ 150m		900.000
6	ĐT 835	Ngã tư Xoài Đồi 150m về 2 phía		1.050.000
		Cách ngã tư Xoài Đồi 150m - giáp ranh Cần Giuộc		800.000
		Ranh Bến Lức (cầu Bà Đắc) - Cách ngã tư An Thuận 150m		400.000
7	ĐT 835C	Cách ngã tư An Thuận 150m - ngã tư An Thuận		500.000
		Ngã tư An Thuận - cách ngã tư An Thuận 150m		500.000
8	ĐT 835D	Cách ngã tư An Thuận 150m - Cách ngã ba cống Long Hòa 150m		380.000
		Ngã ba cống Long Hòa kéo dài 150m		650.000
9	ĐT 830B (Trừ KDC Long Định - Cty CP Tập đoàn Quốc tế Năm Sao) (Đường CN Long Cang - Long Định)	Ranh Bến Lức - ĐT 833B		900.000
C ĐƯỜNG HUYỆN (ĐH)				
1	ĐH 17	Cách ngã ba Long Sơn 100m - Bến đò Nhật Tảo		350.000
		TL 826 kéo dài 50m		700.000
		Cách TL 826 50m - cách ngã tư Ngân hàng Đại Tín 50m		600.000
2	ĐH 19	Ngã tư Ngân hàng Đại Tín kéo dài 50m về 2 phía		800.000
		Cách ngã tư Ngân hàng Đại Tín 50m - Cầu Rạch Kiến		600.000
		Cầu Rạch Kiến - Cống Hương lộ 19		500.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
			THỊ TRẤN	XÃ
		Cổng Hương lộ 19 - cách ngã tư Tân Trạch 100m		300.000
		Ngã tư Tân Trạch kéo dài 100m về 2 phía		550.000
		Cách ngã tư Tân Trạch 100m - Bến đò Bến Bạ		300.000
3	ĐH 19/5	50m đầu tiếp giáp QL 50		600.000
		Cách QL 50m - Đê bao Rạch Cát		300.000
4	ĐH 21	Cầu kênh 30/4 - Đường Bờ Mòi		400.000
		Đường Bờ Mòi - Bến đò Xã Bảy		350.000
		Ranh Thị trấn Cần Đước - ngã ba Tân Ân + 50m		700.000
5	ĐH 22	Ngã ba Tân Ân + 50m - Cách bến đò Bà Nhờ 50m		450.000
		Cách bến đò Bà Nhờ 50m - Bến đò Bà Nhờ		550.000
		ĐH 22 kéo dài 50m		550.000
6	ĐH 24	Mét thứ 51 – Cách cuối ĐH 24 - 200m		450.000
		Cuối ĐH 24 + 200m về 3 ngã		1.000.000
		TL 826B kéo dài 50m		570.000
		Mét thứ 51 - Cách UBND xã Long Hựu Tây 200m		400.000
7	ĐH 82	UBND xã Long Hựu Tây kéo dài 200m về 2 phía		800.000
		Cách UBND xã Long Hựu Tây 200m – cuối ĐH 82		400.000
D	CÁC ĐƯỜNG KHÁC			
I	Các đường có tên			
		QL 50 – Nguyễn Thị Minh Khai	5.500.000	
		Nguyễn Thị Minh Khai – Hết khu dân cư Thị trấn Cần Đước	4.200.000	
1	Trần Hưng Đạo	Hết khu dân cư Thị trấn Cần Đước – Ngã 4 Chú Sở	3.500.000	
		Ngã 4 Chú Sở – Mặt đập Cầu Cống	1.300.000	
		Mặt đập Cầu Cống – Đình khu 6	1.000.000	
		Công an Thị trấn– Ngã 4 Chú Sở	1.700.000	
2	Hồ Văn Huê	Ngã 4 Chú Sở – Ngã 3 Sáu Khai	2.000.000	
		Ngã 3 Sáu Khai – Cầu kinh 30/4	800.000	800.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
			THỊ TRẤN	XÃ
3	Nguyễn Trãi	QL 50 – Xóm Trầu khu 5 Thị trấn Cần Đước	1.500.000	
4	Võ Thị Sáu	Nhà Mười Nhưong - Nhà máy Công Nghệ	1.700.000	
5	Lê Hồng Phong	Ngã 3 Sáu Khai – Giáp ranh Tân Ân	800.000	
6	Nguyễn Văn Trỗi	QL 50 – Sông Vàm Mương	600.000	
7	Nguyễn Thị Minh Khai	Trần Hưng Đạo – Nhà Hai Giác	700.000	
8	Chu Văn An	QL 50 – 50m đầu	800.000	
		Vị trí còn lại (Từ 50m trở về sau)	800.000	
9	Nguyễn Trung Trực	QL 50 – Nhà Ba Đình	500.000	
10	Trương Định	QL 50 – Cầu Quyết Tâm	700.000	
11	Trần Phú	QL 50 – Ngân hàng NNPTNT huyện Cần Đước	1.000.000	
12	Nguyễn Văn Tiên	Trần Hưng Đạo – Nguyễn Trãi	600.000	
13	Nguyễn Huệ	QL 50 – Đường số 2	5.000.000	
14	Đường số 2	Trần Hưng Đạo - Nhà Tiến Nghĩa	5.000.000	
II Các đường chưa có tên				
1	Đường từ Đình khu 6 - Cầu kinh ấp 7 xã Tân Ân	Đình khu 6 (Chùa Phật Mẫu - Cầu kinh ấp 7 xã Tân Ân	500.000	500.000
2	Đường kinh Năm Kiêu	ĐT 835 - Đầu cuối đê Trị Yên		250.000
3	Đường đê ven kênh Trị Yên	Cầu Tràm (ĐT826)- Đầu cầu Long Khê (ĐT835)		250.000
4	Đường kinh ấp 4 Long Định	ĐT 830 - Đê bao Rạch Chanh		250.000
5	Đê bao sông Vàm Cỏ và sông Vàm Cỏ Đông	Đê bao sông Rạch Cát - Sông Rạch Chanh (Trừ đoạn Đường huyện 17 - ĐT 833B)		250.000
		Đường huyện 17 - ĐT 833B		350.000
6	Đê bao Rạch Cát	Xã Long Hựu Đông, Tân Lân, Phước Đông		250.000
7	Đê bao Sông Vàm Mương thuộc xã Tân Chánh, Tân Ân	Ngã ba sông Vàm Cỏ - Hết đê bao		250.000
8	Đường liên xã Long Hựu Đông - Long Hựu Tây (đê bao thủy sản)	ĐT826B - Đường huyện 82		250.000
9	Đường liên xã Long Khê - Phước Vân- Long Định	ĐT835- ĐT 833B (Đê ấp 4 xã Long Định)		350.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
			THỊ TRẤN	XÃ
10	Đường liên xã Long Hòa - Phước Vân	Hương lộ 19 kéo dài 150m		800.000
		Cách Hương lộ 19 150m - Cách ĐT 830 150m		300.000
		ĐT 830 kéo dài 150m		350.000
11	Đường liên xã Tân Trạch - Long Sơn	ĐT 830 - Đường huyện 19		250.000
12	Đường kênh xã Long Trạch	ĐT835 - ĐT826		250.000
13	Đường Long Thanh - Phước Vĩnh	ĐT826 - Ranh xã Long Khê		250.000
14	Đường Ấp Xoài Đồi (xã Long Trạch)	ĐT826 - Đường kênh xã Long Trạch		250.000
15	Đường Bờ Mồi (Phước Tuy - Tân Lân)	ĐT826 - Đường huyện 21		250.000
16	Đường Đông Nhất - Tân Chánh	Đường huyện 24 - Ấp Đông Nhất		250.000
17	Đường Đông Nhi - Tân Chánh	Đường huyện 24 - Ấp Đông Nhi		250.000
18	Đường Nguyễn Văn Tiến (xã Mỹ Lệ)	ĐT826 - Trung tâm HCVH xã Mỹ Lệ		350.000
		Trung tâm HCVH xã Mỹ Lệ - Quốc lộ 50		250.000
19	Đường đập Bến Trề Tân Ân	Đường huyện 22 - Đê Vàm Cỏ		250.000
20	Đường vào Chợ Long Hựu Đông	ĐT826B - Chợ Long Hựu Đông		700.000
21	Đường Ao Gòn xã Tân Lân	QL 50 - 50m đầu		500.000
		Vị trí còn lại (Từ 50m trở về sau)		300.000
22	Đường Mỹ Điền(xã Long Hựu Tây)	Đường huyện 82 - Đê bao Vàm Cỏ		250.000
23	Đường kênh 30/4 (xã Tân Ân)	Đường Hồ Văn Huê - Cầu Bến Đò Giữa		250.000
24	Đường nội bộ KCN Cầu Trâm (xã Long Trạch)			900.000
25	Chùa Quang Minh	Chùa Quang Minh - đường Chu Văn An		500.000
26	Đường Ao bà Sáu	Ao bà Sáu - xóm Đái		500.000
III	Đường giao thông khác còn lại nền đường ≥ 3m, có trải sỏi đỏ, bê tông hoặc nhựa			
1	Thị trấn Cần Đước		400.000	

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
			THỊ TRẤN	XÃ
2	Các xã Long Khê, Long Định, Long Trạch, Long Hòa, Long Cang, Phước Vân			250.000
3	Các xã Mỹ Lệ, Long Sơn, Tân Trạch, Tân Lân, Phước Đông			230.000
4	Các xã Tân Ân, Tân Chánh, Phước Tuy, Long Hựu Đông và Long Hựu Tây			200.000
E	CÁC KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG			
1	Chợ mới Cần Đước	Dãy phố A (Mặt tiền QL 50)	5.000.000	
		Dãy phố B	4.000.000	
		Dãy phố C	3.000.000	
2	Khu vực Thị tứ Long Hòa	Dãy A, B, C		3.500.000
		Dãy D - Rạch cũ		3.000.000
		Rạch cũ - HL 19		2.000.000
3	Khu dân cư Cầu Chùa	Dãy phố đối diện khu phố thương mại Khang Gia	1.500.000	
		Các vị trí còn lại	600.000	
4	Khu dân cư Thị trấn Cần Đước	Lô A (Mặt tiền đường Trần Hưng Đạo)	5.000.000	
		Lô B (Mặt tiền đường Nguyễn Huệ)	4.000.000	
		Lô C (Mặt tiền đường Nguyễn Huệ, đối diện lô B)	4.000.000	
5	Khu cư xá Ngân hàng	Mặt tiền đường từ ranh Huyện ủy - Cuối cư xá Ngân hàng	1.500.000	
6	Khu dân cư Chợ Tân Chánh			1.800.000
7	Khu dân cư Chợ Long Hựu Tây			1.800.000
8	Khu dân cư Chợ Đào			1.000.000
9	Khu dân cư bến xe Rạch Kiến	7 lô đầu kể từ tỉnh lộ 826		3.000.000
		Các lô còn lại		2.500.000
10	Khu dân cư chợ Kinh Nước Mặn	Ngã 3 ĐT 826B - Chợ Long Hựu Đông		1.300.000
11	Khu TĐC của Trung tâm Phát triển quỹ đất	Mặt tiền chợ, đường Công nghiệp, ĐT 833B		2.500.000
		Các vị trí còn lại		2.000.000
12	Khu TĐC Bình Điền thuộc xã Long Định	Đất loại I (tiếp giáp ĐT 833B)		2.500.000
		Các vị trí còn lại		2.000.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN TỪ ĐẾN HẾT	ĐƠN GIÁ (đ/m ²)	
			THỊ TRẤN	XÃ
13	Khu dân cư Long Định (Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao)	Tiếp giáp ĐT 830B		2.800.000
		Các vị trí còn lại		2.500.000
14	Khu dân cư, tái định cư Cầu Tràm	Đường số 1 và 6		2.500.000
		Các đường còn lại		2.000.000
15	Khu tái định cư cụm công nghiệp và cầu cảng Phước Đông	Đường số 3		2.000.000
		Các đường còn lại		1.700.000
16	Khu tái định cư Phước Đông (Cty TNHH MTV Việt Hóa - Long An)	Đường số 1		2.000.000
		Các đường còn lại		1.700.000
17	Khu dân cư Nam Long	Xã Long Hòa - Tân Trạch		2.000.000
18	Khu dân cư Nam Long	Xã Long Hòa		3.000.000

PHẦN II: NHÓM ĐẤT Ở CÓ VỊ TRÍ TIẾP GIÁP SÔNG, KÊNH

1	Sông Vàm Cỏ Đông	Sông Rạch Cát - Sông Rạch Chanh		250.000
2	Kinh Nước Mặn	Sông Vàm Cỏ - Sông Rạch Cát		250.000
3	Sông Rạch Cát	Sông Vàm Cỏ - Ranh Cần Giuộc		250.000
4	Các sông kênh còn lại	Áp dụng theo giá đất tại Phần III		

PHẦN III: NHÓM ĐẤT Ở KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI PHẦN I VÀ PHẦN II

1	Thị trấn Cần Đước		350.000	
2	Các xã Long Khê, Long Định, Long Trạch, Long Hòa, Long Cang và xã Phước Vân			180.000
3	Các xã Mỹ Lệ, Long Sơn, Tân Trạch, Tân Lân, Phước Đông			160.000
4	Các xã Tân Ân, Tân Chánh, Phước Tuy, Long Hựu Đông và Long Hựu Tây			140.000